

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2019/DS-ST

Ngày: 06-9-2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pì Sách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Phương Lan;

2. Ông Vũ Văn Hợp.

Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sễn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-DS ngày 14-8-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH LM**

Địa chỉ: Tổ 7, ấp V, xã VH, Châu Thành, Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Văn L**, sinh năm: 1979;

Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH LM;

Địa chỉ: Số 14 Nguyễn Thoại Hầu, P. Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

(Ông L có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông **Dương Tấn T** (Tên thường gọi là **Ba T**), sinh năm: 1951 và bà **Nguyễn Kim TH**, sinh năm 19.....- **Chủ tàu cá TK.**

Địa chỉ: Khu cảng cá Tắc Cậu, ấp M, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Bà TH vắng mặt tại phiên tòa; Ông T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02-4-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Văn L- đại diện cho Công ty TNHH LM trình bày như sau: Thời gian từ năm 2012 công ty của ông có bán nước đá cho vợ chồng ông Dương Tấn T (Ba T) và bà Nguyễn Kim TH chủ tàu thu mua hải sản TK. Qua thời gian mua bán cho tới ngày 27/10/2018, ông T, bà TH không còn làm ăn qua lại nữa vì ông T còn thiếu nợ ông. Sau đó đến ngày 20/11/2018 ông và ông T có chốt nợ với nhau là ông T, bà TH

còn nợ Công ty của ông số tiền là 226.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng). Sau khi chót nợ xong ông T, bà TH hẹn thanh toán cho ông mỗi tháng là 20.000.000đ nhưng không thanh toán mà cứ hẹn hoài mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà TH trả nợ cho ông. Hiện tại ông T, bà TH còn nợ công ty ông tổng cộng là 226.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Tại phiên tòa ông Ngô Văn L đại diện Công ty TNHH LM có yêu cầu: Buộc ông Dương Tấn T và bà Nguyễn Kim TH có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền mua nước đá cho công ty với số tiền là 226.000.000đ (Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 01/12/2018 cho đến khi xét xử.

- *Tại bản tự khai ngày 20-5-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Dương Tấn T trình bày tại Tòa án như sau:* Thời gian từ năm 2001 vợ chồng ông có làm đầu nậu thu mua hải sản, thời điểm bắt đầu ra thu mua hải sản thì vợ chồng ông đã mua nước đá của ông L rồi nhưng lúc đó do làm ăn được nên vợ chồng ông bà trả tiền đầy đủ cho ông L. Đến thời điểm từ năm 2012 đến nay khi nghề đánh bắt hải sản khó khăn kéo theo việc thu mua hải sản cũng khó khăn theo nên vợ chồng tôi có lúc mua thiếu, có lần trả tiền, tính từ năm 2012 đến cuối năm 2018 vợ chồng tôi có mua thiếu nước đá ông L nhiều lần và có ký biên nhận nhận nợ. Đến cuối tháng 11/2018 Công ty không còn hoạt động nên vợ chồng ông không có mua nữa và cũng chưa thanh toán tiền nợ nước đá cho Công ty TNHH LM, đến ngày 20/11/2018 ông L đại diện công ty có chót nợ với vợ chồng ông và cùng nhau xác nhận hiện nay vợ chồng ông còn nợ Công ty TNHH LM số tiền là 226.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng). Hiện tại do làm ăn thất bại gặp rủi ro nên vợ chồng ông không thể thực hiện việc trả nợ cho công ty. Ông xác nhận hiện tại vợ chồng ông còn nợ công ty TNHH LM số tiền là: 226.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng) tiền nợ gốc là tiền mua nước đá.

Tại phiên tòa ông Dương Tấn T có ý kiến: Thừa nhận còn nợ Công ty TNHH LM số tiền mua nước đá là 226.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng) nhưng do hiện nay làm ăn khó khăn nên ông xin được trả cho Công ty mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

- **Bị đơn bà Nguyễn Kim TH:** Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số: 81/TBTL-VA, ngày 02-4-2019. Nhưng đều không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố. Ngoài ra, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 81/TB-TA, ngày 20-5-2019; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 81/TB-TA, ngày 27-5-2019. Tuy nhiên, bà TH đều vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được. Bà TH cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn bà TH không chấp hành đúng pháp luật tố tụng xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015; Khoản 1 Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc ông T, bà TH phải có nghĩa vụ liên đới trả cho công ty TNHH LM số tiền 226.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn bà Nguyễn Kim TH không có mặt theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà TH là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo nguyên đơn trình bày Công ty TNHH LM và ông T, bà TH có thỏa thuận cung ứng nước đá cho ông T, bà TH từ năm 2001 đến tháng 11 năm 2018. Trong quá trình mua bán đến tháng 11 năm 2018 ông T, bà TH còn nợ lại tiền mua nước đá của Công ty TNHH LM với tổng số tiền 226.000.000 đồng và các bên viết hóa đơn mua bán. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa ông L đại diện Công ty TNHH LM yêu cầu ông T, bà TH phải trả số tiền mua nước đá còn nợ lại là 226.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “Tranh chấp hợp đồng mua bán” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 428 và Điều 438 Bộ Luật dân sự 2005.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết*: Công ty TNHH LM khởi kiện ông T, bà TH có địa chỉ ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

[4]. *Về nội dung*: Tại phiên tòa, Công ty TNHH LM vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà TH phải trả cho bà số tiền nợ gốc còn lại 226.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn xét xử nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án Hóa đơn kiêm phiếu giao hàng ngày 02-2-2016, Hóa đơn giao hàng ngày 20-5-2016, Hóa đơn kiêm phiếu giao hàng ngày 20-3-2018 đều có chữ ký xác nhận của ông T. Thấy rằng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng chỉ có ông T có văn bản ý kiến là thừa nhận nợ còn Công ty TNHH LM còn bà TH đều không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Tại phiên tòa ông T xin trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ vì hiện nay hoàn cảnh gia đình ông gặp khó khăn kinh tế nhưng công ty không đồng ý.

Tại phiên tòa, ông L đại diện Công ty TNHH LM trình bày khoản tiền mà ông T, bà TH còn thiếu công ty là nợ chung của vợ chồng ông T, bà TH vì mục đích

vay tiền là để đầu tư phát triển kinh tế gia đình và vấn đề này cũng được ông T thừa nhận. Cho nên, cần buộc ông T, bà TH có trách nhiệm liên đới phải trả cho Công ty TNHH LM số tiền trên là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 428; Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện công ty TNHH LM; buộc ông T, bà TH có nghĩa vụ liên đới thanh toán công ty số tiền mua bán còn nợ lại là 226.000.000 đồng là phù hợp với pháp luật.

Về cách thức ông Thành thanh toán tiền nợ vay nêu trên cho ông Hoi như thế nào thì thuộc thẩm quyền của Chi cục Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ chấp nhận.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn ông T, bà TH liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 226.000.000 đồng $\times 5\% = 11.300.000$ đồng.

Công ty TNHH LM không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH LM tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 428; Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH LM về việc ông T, bà TH phải trả số tiền mua bán còn nợ lại là 226.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

1. Buộc ông T, bà TH có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty TNHH LM số tiền mua bán còn nợ lại là 226.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày Công ty TNHH LM có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông T, bà TH còn phải chịu lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phụng phải có trách nhiệm nộp án phí số tiền là 11.300.000 đồng.

Công ty TNHH LM không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH LM số tiền tạm ứng án phí là 5.650.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009649 ngày 01-4-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà TH vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Pì Sách

